

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2020/HS-ST

Ngày 29/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huệ

2. Ông Đặng Ngọc Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lại Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Đoàn Ngọc T, sinh ngày 25/8/1986 tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh

Nơi cư trú: thôn C, xã Đ, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đoàn Văn T, sinh năm 1962 và bà: Ngô Thị D, sinh năm 1958; vợ: Phạm Thị Th, sinh năm 1984; có 01 con sinh năm 2015; tiền sự: Không; tiền án: 02 (Bản án số 123/2009/HSST ngày 15/12/2009 của Tòa án nhân dân thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999, ngày 31/10/2014 chấp hành xong hình phạt tù, đã thi hành phần án phí, chưa thi hành hình phạt bổ sung và tiền thu lời bất chính; Bản án số 54/2018/HSPT ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 30/10/2019 chấp hành xong hình phạt tù); nhân thân: Quyết định số 84/QĐ-XPHC ngày 06/11/2015 của Công an quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, ngày 02/02/2016 thi hành xong; bị cáo bị gãy cung xương sườn, cần phải

điều trị nên được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/6/2020 đến nay.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Đoàn Văn D, sinh ngày 25/5/1993 tại huyện V, TP. Hải Phòng

Nơi cư trú: thôn C, xã Đ, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đoàn Văn T, sinh năm 1954 và bà: Vũ Thị Q, sinh năm 1955; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: 01 (Bản án số 41/2018/HSST ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm 3 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; ngày 30/3/2019 chấp hành xong án phạt tù); bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã, tạm giữ từ ngày 15/7/2020 đến ngày 18/7/2020 chuyển tạm giam đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ - Công an huyện Quỳnh Phụ. *(Bị cáo trích xuất có mặt tại phiên tòa).*

- Bị hại: Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1974

Trú tại: tổ 07x, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ - Công an huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình *(Vắng mặt tại phiên tòa).*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1984

Trú tại: thôn C, xã Đ, huyện V, thành phố Hải Phòng.

(Có mặt tại phiên tòa).

- Người làm chứng:

Anh Đỗ Ngọc T2, sinh năm 1985

Trú tại thôn B, xã Đ, huyện V, thành phố Hải Phòng.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Ngọc T và Đoàn Văn D quen biết nhau từ trước và đều không có việc làm, thu nhập không ổn định. Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên khoảng 00 giờ ngày 10/5/2020, khi D đang chơi ở nhà T thì T rủ D đi trộm cắp tài sản, D đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila, màu sơn đen-bạc, biển kiểm soát 16M4 - 3xxx của gia đình T chở D đi theo Quốc lộ 10 qua cầu Nghìn sang huyện Quỳnh Phụ để trộm cắp tài sản. Khoảng hơn 03 giờ cùng ngày, khi cả hai đến khu vực chợ V, thuộc tổ 07x, thị trấn A, huyện Q thì phát hiện thấy trên vỉa hè và trong sân nhà anh Nguyễn Đức T1 có để nhiều chậu cây cảnh. Quan sát thấy cổng và cửa nhà anh T1 đều đóng, xung quanh vắng người, T liền dùng xe để D đứng canh giới. Thấy trên vỉa hè cạnh cổng có để 01 chậu cây hồng cỏ Sapa cao 1,5 mét, một thân đường kính 02cm, tán rộng 60cm, T dùng tay nhổ cây ra khỏi chậu rồi ngồi lên sau xe để D điều khiển xe chở T cầm cây đi về

hướng xã A. Khi đi được khoảng 01 km thì D dừng xe, rủ T quay lại nhà anh T1 để tiếp tục trộm cắp, T đồng ý. D giấu cây hoa hồng ở mé bờ ruộng rồi ngồi sau xe để T chở quay lại, dừng xe cách cổng nhà anh T1 khoảng 15 mét. T đứng cạnh giới, còn D trèo qua tường bao vào trong sân nhà anh T1. Quan sát thấy cạnh trụ cổng bên phải (theo hướng nhìn ra) có để 01 chậu cây linh sam cao 60cm, một thân đường kính 10cm, tán rộng 50cm, D liền dùng tay nhỏ cây linh sam ra khỏi chậu rồi đặt cây lên tường, trèo qua tường và bê cây ra chỗ T. T điều khiển xe chở D cầm cây linh sam đi đến chỗ cất giấu cây hồng thì dừng lại. D xuống xe lấy cây hồng rồi cầm hai cây ngồi sau xe để T chở đến nhà anh Đỗ Ngọc T2, trú tại thôn B, xã Đ, huyện V, thành phố Hải Phòng, là người quen, gửi cây ở đó. Vì sân nhà chật nên anh T2 không đồng ý nhưng cả hai vẫn để cây ở đó và đi về. Do thấy cây hồng cao tán rộng không có chỗ để, ngay sau đó, anh T2 đã mang cây đến trả T nhưng T không có ở nhà nên anh để cây trước cửa nhà. Một lúc sau, T về thấy cây hồng ở đó nên đã cắt cành cây rồi trồng tại vườn nhà mình.

Ngày 12/5/2020, anh Nguyễn Đức T1 có đơn trình báo gửi Công an huyện Quỳnh Phụ đề nghị giải quyết.

Ngày 13/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Quỳnh Phụ đã triệu tập Đoàn Ngọc T đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên và tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra cây hồng Sapa cùng chiếc xe mô tô SYM Attila, biển kiểm soát 16M4 - 3xxx nêu trên. Ngày 14/5/2020, sau khi được cơ quan Công an thông báo cây linh sam là tài sản trộm cắp, anh Đỗ Ngọc T2 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp, Đoàn Văn D bỏ đi khỏi địa phương, đến ngày 15/7/2020 bị bắt theo quyết định truy nã và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Biên bản kết luận định giá tài sản ngày 15/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Quỳnh Phụ kết luận: *Cây hồng cổ Sapa có trị giá là 2.000.000 đồng, cây linh sam có trị giá là 4.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).*

Cáo trạng số 90/CT-VKSQP ngày 08/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố Đoàn Ngọc T theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Đoàn Văn D theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trong bản Cáo trạng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên lời khai như đã khai tại giai đoạn điều tra và đề nghị được nhận lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16M4 - 3xxx.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đoàn Ngọc T, Đoàn Văn D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đoàn Ngọc T mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù;

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 50, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đoàn Văn D mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù;

+ Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Ngoài ra, còn đề nghị về các vấn đề xử lý vật chứng và án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Trong phần tranh luận, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với nhau và với Kiểm sát viên. Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo Đoàn Ngọc T, Đoàn Văn D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án (bút lục số: 178-213; 275-278; 214-231; 279-280); phù hợp với đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại là anh Nguyễn Đức T1 (bút lục số: 01; 252-259); biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Th (bút lục số: 235-236); biên bản ghi lời khai của người làm chứng là anh Đỗ Ngọc T2 (bút lục số: 239-243). Ngoài ra hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 16 giờ ngày 13/5/2020 và 09 giờ 30 phút ngày 14/5/2020 tại trụ sở Công an huyện Quỳnh Phụ (bút lục số: 64-65; 72); biên bản kết luận định giá tài sản ngày 15/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quỳnh Phụ (bút lục số: 70); sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Quỳnh Phụ lập và do các bị cáo tự mô tả (bút lục số: 43 - 44); hình ảnh ngày 10/5/2020 trích xuất từ camera của gia đình anh Nguyễn Đức T1 (bút lục 57-59) cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng hơn 03 giờ ngày 10/5/2020, tại nhà anh Nguyễn Đức T1 ở tổ 07x, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, các bị cáo Đoàn Ngọc T và Đoàn Văn D đã hai lần có hành vi trộm cắp tài sản của anh T1 trong đó: lần thứ nhất là 01 cây hồng cò Sapa trị giá 2.000.000 đồng và lần thứ hai là 01 cây linh sam trị giá 4.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Hành vi của bị cáo Đoàn Văn D đã thỏa mãn cấu thành tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo Đoàn Ngọc T đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết định khung tăng nặng là “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;

đ) Hành hung để tẩu thoát;

e) Tài sản là bảo vật quốc gia;

g) Tái phạm nguy hiểm.

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Hành vi lợi dụng sơ hở của chủ tài sản trong việc canh coi, quản lý tài sản vào ban đêm, các bị cáo đã 02 lần cùng nhau lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại với

tổng giá trị 6.000.000 đồng là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân trên địa bàn nơi xảy ra vụ án. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật song vì ham chơi, lười lao động, các bị cáo đã ngày càng dần sâu hơn vào con đường phạm tội. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ trong quá trình thực hiện tội phạm. Trong đó xác định: Đoàn Ngọc T là người chuẩn bị phương tiện, khởi xướng việc phạm tội, rủ Đoàn Văn D trộm cắp tài sản ở vụ thứ nhất, trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt cây hồng cổ Sapa và hỗ trợ tích cực để D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản lần thứ 2 nên T giữ vai trò cao nhất trong vụ án. Bị cáo Đoàn Văn D là người canh coi, cảnh giới cho T thực hiện hành vi phạm tội lần thứ nhất và là người khởi xướng, rủ T quay lại nhà anh T1 để D trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt cây linh sam ở vụ thứ 2, đồng thời còn cùng với T tích cực tìm nơi cất giấu tài sản trộm cắp nên giữ vai trò tiếp sau bị cáo T.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng: Chỉ trong khoảng thời gian rất ngắn vào ban đêm, các bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Đức T1, mỗi lần giá trị tài sản trộm cắp đều trên hai triệu đồng nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đoàn Văn D đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, năm 2015 bị cáo T còn bị xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “đánh bạc” tuy đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính song đây cũng là một trong những căn cứ để Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T có thời gian tham gia quân đội, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T nên T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những nhận định nêu trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật, và xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, bị cáo T thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, bị hại là anh Nguyễn Đức T1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại nào thêm nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila, màu sơn đen-bạc, biển kiểm soát 16M4-3xxx mà các bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản. Kết quả điều tra đã xác định được đây là tài sản chung của bị cáo T và vợ là chị Phạm Thị Th. Chị Th không biết việc bị cáo T đã sử dụng chiếc xe trên đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với Chị Th là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị Th đề nghị được nhận lại chiếc xe làm phương tiện đi lại nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại chiếc xe trên cho chị Phạm Thị Th.

[9] Đối với anh Đỗ Ngọc T2 là người đã không đồng ý cho các bị cáo để hai cây nêu trên ở nhà anh. Sau khi biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, anh đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh T2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Đoàn Ngọc T thuộc hộ nghèo và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Đoàn Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đoàn Ngọc T, Đoàn Văn D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đoàn Ngọc T 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 50, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đoàn Văn D 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (15/7/2020).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại chị Phạm Thị Th, sinh năm 1984; trú tại: thôn C, xã Đ, huyện V, thành phố Hải Phòng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila, màu sơn đen-bạc, biển kiểm soát 16M4 - 3xxx.

(Vật chứng trên có đặc điểm chi tiết và đang được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 82 ngày 08/9/2020 giữa Công an huyện Quỳnh Phụ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ).

4. Về án phí:

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Đoàn Ngọc T được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Đoàn Văn D phải nộp 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết, tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- CQĐT, CQTHAHS, Nhà Tạm giữ (Công an huyện Quỳnh Phụ);
- UBND xã Đ, huyện V, TP. Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Phụng